

Số: 1705/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ chuyên khoa cấp I
chuyên ngành Mắt**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1636/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ quyết định số 931/BYT-QĐ ngày 25/8/2020 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT- YDHP ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 827/QĐ-YDHP ngày 10/05/2022 và quyết định số 964/QĐ-YDHP ngày 09/06/2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng rà soát và điều chỉnh Chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa I các chuyên ngành;

Theo đề nghị của ông/bà trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, trường khoa Y.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I, chuyên ngành Mắt Mã số: 607256CK.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông/Bà trưởng khoa, bộ môn, trưởng phòng, ban, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu QLĐTSDH; VT.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I MẮT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1705/QĐ-YDHP ngày 28 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I MẮT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1.705/QĐ-YDHP ngày 28 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo:	Chuyên khoa I Mắt
Trình độ đào tạo:	Chuyên khoa I
Khối ngành:	Y học
Ngành đào tạo:	Mắt
Mã ngành:	62.72.56.CK
Hệ đào tạo:	Chính quy
Hình thức đào tạo:	Tập trung
Thời gian đào tạo:	2 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp:	Bác sỹ chuyên khoa I Mắt
Đơn vị đào tạo, cấp bằng:	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng:	Bác sỹ đa khoa
Thời gian áp dụng:	

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình đào tạo bác sỹ chuyên khoa I Mắt được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội về chăm sóc sức khoẻ.

1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và phát triển y dược biển đảo.

Tầm nhìn: Xây dựng trường Đại học Y Dược Hải Phòng phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khoẻ có chất lượng, uy tín định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế.

Triết lý giáo dục: Lấy người học làm trung tâm - Lấy người bệnh làm trung tâm - Vì sức khoẻ cộng đồng.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

Mục tiêu tổng quát:

Chương trình đào tạo bác sỹ CK1 Mắt nhằm mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức, thái độ, kỹ năng trong việc khám, chẩn đoán và điều trị, giải quyết các vấn đề chuyên ngành mắt diện rộng; bổ sung một số kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở liên quan để có thể vươn lên tự học trở thành chuyên gia y tế thực hành chuyên khoa mắt.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

PO1: Trình bày được những kiến thức cơ bản về sinh bệnh học, nguyên nhân, dịch tễ học của các bệnh thường gặp trong chuyên ngành mắt.

PO2: Vận dụng được kiến thức y học cơ sở và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh mắt thường gặp

PO3: Trình bày được những kiến thức và kỹ thuật hiện đại về chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh chuyên khoa mắt.

Về kỹ năng:

PO4: Chẩn đoán và xử trí thành thạo được các bệnh mắt thông thường và một số cấp cứu mắt thường gặp.

PO5: Làm thành thạo một số thủ thuật, phẫu thuật mắt.

PO6: Tư vấn được các vấn đề liên quan đến bệnh, tật về mắt tại cộng đồng; huy động được các nguồn lực để làm tốt công tác phòng bệnh và chăm sóc mắt tại cộng đồng.

PO7: Có khả năng tự đào tạo, nghiên cứu học tập nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn.

Về thái độ:

PO8: Có thái độ khẩn trương, nhanh chóng trong các cấp cứu mắt

PO9: Chú trọng công tác phát hiện sớm các tật khúc xạ, glôcôm trong cộng đồng; theo dõi lâu dài cho bệnh nhân glôcôm.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes: PLOs)

1.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức:

PLO1: Có hệ thống kiến thức Mắt đầy đủ theo chương trình chi tiết Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 lý thuyết và lâm sàng.

PLO2: Vận dụng được kiến thức y học cơ sở và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh mắt thông thường.

1.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO3: Thực hành được chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường về mắt. Tiên lượng và hướng giải quyết những trường hợp khó, phức tạp cần chuyển tuyến

PLO4: Làm thành thạo các khám nghiệm chức năng cơ bản trong chuyên ngành mắt, các thủ thuật thông thường và một số phẫu thuật tiểu-trung phẫu chuyên ngành mắt. Kiến tạo các phẫu thuật đại phẫu, nắm được chắc chắn các thì phẫu thuật để có thể làm, triển khai ở cơ sở khi có đủ trang thiết bị.

PLO5: Sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành, tin học trong thực hành nghề nghiệp để tìm kiếm tài liệu, chứng cứ y học góp phần cải thiện năng lực chuyên môn.

1.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO6: Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.

PLO7: Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học thuộc lĩnh vực chuyên khoa.

2. Sự phù hợp với mục tiêu của CTĐT

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo nhằm trang bị cho học viên hệ thống kiến thức chuyên sâu về chuyên khoa Mắt; thực hành thành thạo các kỹ năng thăm khám, chẩn đoán, xử trí cấp cứu và tiên lượng. Việc vận dụng kiến thức và kỹ năng thực hành lâm sàng để biện luận chẩn đoán, điều trị, giúp tăng cường khả năng khám chữa bệnh độc lập, có tư duy làm việc chủ động, tích cực, độc lập, sáng tạo, cập nhật các kiến thức mới trong chuyên ngành nhãn khoa.

Sẵn sàng thực hiện và chịu trách nhiệm về lĩnh vực công tác chuyên môn, giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp và cộng đồng là tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo những chuẩn mực đạo đức, pháp lý.

3. Ma trận Mục tiêu - Chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
PO1	x	x					
PO2	x	x	x	x	x		
PO3	x	x	x	x	x	x	x
PO4	x	x	x	x		x	x
PO5	x	x	x	x		x	x
PO6	x	x	x	x	x	x	x
PO7	x	x	x	x	x	x	x
PO8	x	x	x	x		x	x
PO9	x	x	x	x	X	x	x

4. Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành

Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF): Phụ lục

Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hoàn toàn phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam tương đương Bậc 7.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/tiết học	
					LT	TH (hoặc LS)
1.	Phần kiến thức chung	7	11.11%	135	5/75	2/60
2.	Phần kiến thức cơ sở	7	11.11%	180	4/60	3/120
3.	Phần kiến thức chuyên ngành	40	63.49%	1410	13/195	27/1215
4.	Phần kiến thức tự chọn	7	11.11%	225	3/45	4/180
5.	Học phần tốt nghiệp	2	3.17%	60	1/15	1/45
6.	TỔNG	63		2010	26/390	37/1620

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/ tiết học	
					LT	TH (hoặc LS)
PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			7	135	5/75	2/60
1.		Triết học	3	45	3/45	0
2.		Ngoại ngữ chuyên ngành	2	45	1/15	1/30
3.		Tin học ứng dụng	2	45	1/15	1/30
PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			7	180	4/60	3/120
4.		Giải phẫu đầu mặt cổ	3	60	2/30	1/30
5.		Tai mũi họng	4	120	2/30	2/90
PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			40	1410	13/195	27/1215
6.	HP1	Bệnh phần trước nhãn cầu	13	465	4/60	9/405
7.	HP2	Bệnh phần sau nhãn cầu, bệnh glôcôm	14	510	4/60	10/450
8.	HP3	Chấn thương mắt, bỏng mắt, bệnh học hốc mắt	8	270	3/45	5/225
9.	HP4	Bệnh mắt trẻ em, rối loạn vận nhãn, nhược thị.	5	165	2/30	3/135

PHẦN KIẾN THỨC TỰ CHỌN (Chọn 1 trong 2 nhóm)						
10.	Nhóm 1	Bệnh học mi mắt, lệ bộ	7	225	3/45	4/180
11.		Khúc xạ	3	105	1/15	2/90
12.	Nhóm 2	Thần kinh nhãn khoa	4	120	2/30	2/90
13.		Mắt và các bệnh toàn thân	4	120	2/30	2/90
HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP			3	105	1/15	2/90
TỔNG			2	60	1/15	1/45
			63	2010	26/390	37/1620

3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Mã HP /module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)						
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
1.	Triết học			X			X	X
2.	Ngoại ngữ CN			X		X		X
3.	Tin học UD			X		X		X
4.	Giải phẫu	X	X			X		
5.	Tai mũi họng	X	X			X		X
6.	HP1	X	X	X	X	X	X	X
7	HP2	X	X	X	X	X	X	X
8	HP3	X	X	X	X	X	X	X
9	HP4	X	X	X	X	X	X	X
10	Mi mắt, lệ bộ	X	X	X	X	X	X	X
11	Mắt và các bệnh toàn thân	X	X	X	X	X	X	X
12	Khúc xạ	X	X	X	X	X	X	X
13	TK nhãn khoa	X	X	X	X	X	X	X
14	Tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X

4. Mô tả các học phần

4.1. Học phần Triết học

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, trang bị cho người học những nội dung cơ bản triết học gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước. Học phần này giúp học viên vận dụng hiệu quả kiến thức về triết học trong thực hành nghề nghiệp chuyên môn.

4.2. Học phần Ngoại ngữ chuyên ngành

Học phần Ngoại ngữ chuyên ngành thuộc khối kiến thức cơ bản, trang bị cho người học từ vựng chuyên ngành theo từng chủ đề trong thực hành nghề nghiệp, kết hợp phát triển kỹ năng giao tiếp trong các tình huống chuyên môn và các kỹ năng tra cứu, tự học.

4.3. Học phần Tin học ứng dụng

Học phần tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức cơ bản, trang bị cho người học các kiến thức về tin học trong lĩnh vực sức khỏe; giúp người học có các kiến thức và kỹ năng thực hiện thành thạo, hiệu quả nhất trong việc sử dụng một phần mềm thống kê để xử lý số liệu phục vụ cho nghiên cứu khoa học; Sử dụng thành thạo các phần mềm để trích dẫn tài liệu tham khảo, trình bày và báo cáo luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học đúng qui cách, lưu trữ, quản lý, bảo mật dữ liệu.

4.4. Học phần Giải phẫu

Học phần Giải phẫu thuộc kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học các kiến thức về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan và hệ cơ quan bình thường trên cơ thể người. Từ đó, áp dụng phát hiện các bất thường về mặt hình

thái đồng thời liên hệ về chức năng và thực hành lâm sàng thích hợp với chuyên ngành học.

4.5. Học phần Tai Mũi Họng

Học phần Tai mũi họng thuộc kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học kiến thức về một số bệnh lý Tai mũi họng có liên quan đến mắt. Học viên thực hiện được các kỹ năng khám, chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí một số bệnh Tai mũi họng. Học viên chủ động trong học tập, giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

4.6. Học phần Bệnh học bán phần trước

Học phần Bệnh học bán phần trước là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về tình trạng bệnh lý của bán phần trước nhãn cầu (kết mạc, củng mạc, giác mạc, thể thủy tinh...). Các kiến thức cơ bản trong khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý, tiên lượng và dự phòng các bệnh lý của bán phần trước nhãn cầu. Học phần trang bị cho người học kỹ năng thực hiện thành thạo các thủ thuật, thực hành phẫu thuật mộng, u kết mạc và kịp thời xử lý các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện ca phẫu thuật. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề.

4.7. Học phần Bệnh học bán phần sau, bệnh Glôcôm

Học phần Bệnh học bán phần sau, bệnh Glôcôm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về tình trạng bệnh lý của bán phần sau nhãn cầu thường gặp (màng bồ đào, dịch kính-võng mạc, thị thần kinh) và bệnh glôcôm. Các kiến thức cơ bản trong khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý, tiên lượng và dự phòng các bệnh lý của bán phần sau nhãn cầu, xử lý cấp cứu glôcôm và tắc mạch võng mạc. Học phần trang bị cho người học kỹ năng thực hiện thành thạo các thủ thuật, phụ mổ glôcôm và kịp thời xử trí các tai biến trong và sau phẫu thuật. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề.

4.8. Học phần Chấn thương-bỏng mắt, bệnh học hốc mắt

Học phần Chấn thương-bỏng mắt là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về chấn thương mắt, bỏng mắt và các bệnh lý hốc mắt thường gặp. Khám, chẩn đoán, tiên lượng và xử lý cấp cứu được các chấn thương mắt, bỏng mắt và biết chuyển tuyến trên kịp thời những chấn thương-bỏng mắt phức tạp. Học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng thực hiện thành thạo các thủ thuật sơ-cấp cứu, các phẫu thuật phục hồi các vết thương đơn giản. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề.

4.9. Học phần Bệnh mắt trẻ em, rối loạn vận nhãn, nhược thị

Học phần Bệnh mắt trẻ em, rối loạn vận nhãn, nhược thị là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về phôi thai học của mắt, các hội chứng bẩm sinh, các bệnh mắt trẻ em thường gặp. Các kiến thức cơ bản trong kỹ năng trong khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý mắt ở trẻ em. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

4.10. Học phần Bệnh học mi mắt, lệ bộ

Học phần Mi mắt, lệ bộ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán điều trị và dự phòng các bệnh lý mi mắt, lệ bộ. Học phần trang bị cho người học kỹ năng thực hiện thành thạo các thủ thuật, thực hành phẫu thuật quặm, u mi và kịp thời xử lý các tai biến có thể xảy ra khi thực hiện ca phẫu thuật. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

4.11. Học phần Thần kinh nhãn khoa

Học phần Thần kinh nhãn khoa là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý liên quan đến thần kinh nhãn khoa, đường dẫn truyền thần kinh thị giác. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

4.12. Học phần Khúc xạ

Học phần Khúc xạ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán điều trị và dự phòng các bệnh lý khúc xạ ở trẻ em. Học phần trang bị cho người học kỹ năng thực hiện thành thạo các thủ thuật thử thị lực, kính, soi bóng đồng tử, đo khúc xạ và cấp đơn kính hợp lý. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

4.13. Học phần Mắt và bệnh toàn thân

Học phần Mắt và bệnh toàn thân là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh mắt có liên quan đến một số bệnh lý toàn thân thường gặp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

4.14. Học phần Tốt nghiệp

Học phần tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Người học được củng cố ôn lại toàn bộ kiến thức của chương trình học. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, tự học, dạy học dựa trên vấn đề, dạy học thông qua bài tập lớn, nghiên cứu ca lâm sàng, thảo luận nhóm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống.

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

Phương pháp dạy-học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Thuyết trình	X						
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X
Đóng vai		X	X	X	X	X	
Giao ban, đi buồng	X	X	X	X	X	X	X
Nghiên cứu ca lâm sàng	X	X	X	X	X	X	X
Bình bệnh án		X	X	X	X	X	X
Hướng dẫn kĩ thuật thủ thuật, phẫu thuật			X	X	X	X	X
Dạy học mô phỏng		X	X	X	X		
Thực, tự học, quan sát	X	X	X	X	X	X	X
Dạy học thông qua bài tập lớn		X	X	X	X	X	X
Dạy học dựa trên vấn đề		X	X	X	X	X	X

VI. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần (Điểm danh, mức độ tham gia học tập)	1,2,3,4	RAEs	10%
Thi KTHP (kỹ năng tay nghề, tình huống lâm sàng, tự luận)	1,2,3,4,5,6,7	Bảng kiểm, thang điểm chuẩn	90%
Thi tốt nghiệp (kỹ năng tay nghề, chỉ tiêu lâm sàng, bệnh án, tự luận)	1,2,3,4,5,6,7	Thang điểm chuẩn, bảng kiểm.	100%

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tuyển sinh

Tốt nghiệp đại học ngành Bác sĩ đa khoa và đáp ứng các tiêu chí tuyển sinh theo qui định của Bộ Y tế về đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp I.

2. Tiến trình đào tạo

Khối kiến thức	Tên học phần	Năm 1	Năm 2
Chung	Triết học		
	Ngoại ngữ chuyên ngành		
	Tin học ứng dụng		
Cơ sở ngành	Giải phẫu		
	Tai mũi họng		
Chuyên ngành	HP1: Bệnh bán phần trước		
	HP2: Bệnh bán phần sau, bệnh Glôcôm		
	HP3: Chấn thương-bỏng mắt, bệnh học hốc mắt		
	HP4: Bệnh mắt trẻ em, rối loạn vận nhãn, nhược thị		
Tự chọn			
Tốt nghiệp			

- Tổ chức học lý thuyết: các học phần lý thuyết được tổ chức học tại giảng đường thông minh với đầy đủ trang thiết bị cung cấp cho hoạt động thảo luận nhóm.
- Tổ chức học lâm sàng: bắt đầu chuyển sang khối kiến thức chuyên ngành, học viên thực hành lâm sàng tại Khoa Mắt Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng.
- Kỳ thi kết thúc các học phần được tổ chức tại Khoa Mắt bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và tại trường.
- Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành, thi đạt yêu cầu toàn bộ chứng chỉ các môn chung, môn hỗ trợ và môn chuyên ngành.

3. Công tác đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng liên tục

Công tác đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng liên tục được tiến hành định kỳ 2 năm 1 lần theo qui định.

VIII. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đối sánh CDR của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016

CDR của CTĐT	Khung trình độ Quốc gia Việt Nam năm 2016 Bậc 7
PLO1,2,3,4,5	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo
PLO3,4,5,6,7	Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến
PLO5,7	Kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp
PLO1,5,6,7	Khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp
PLO5,6,7	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn

2. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng		Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	7	11.11	6	8,6
Kiến thức cơ sở ngành	7	11.11	10	14,3
Kiến thức chuyên ngành	40	63.49	40	57,1
Tự chọn	7	11.11	11	15,7
Tốt nghiệp	2	3.17	3	4,3
Tổng	63		70	

PHỤ TRÁCH CTĐT



Ths. Nguyễn Thị Thu Trang

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải